

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2021/DS-PT

Ngày 15 - 4 - 2021

V/v “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và Hợp đồng mượn nhà kho*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Việt Dũng

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Hiếu

Bà Mai Vương Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng: Bà Lương Thị Chung - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 45/2020/TLPT - DS ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “*Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và Hợp đồng mượn nhà kho*”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS - ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐ - PT ngày 11 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2021/QĐ - PT ngày 27 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2021/QĐ - PT ngày 26 tháng 02 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2021/QĐ - PT ngày 16 tháng 3 năm 2021 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 21/2021/QĐ - PT ngày 09 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty TNHH Thương mại B – Trụ sở: 131 – 133 đường L, phường N, quận H, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Thị

H – Chức vụ: Giám đốc. Đại diện theo ủy quyền có Ông Trần Qu - Địa chỉ: 69 đường N, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Đ – Trụ sở: 124 đường N, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. Đại diện theo pháp luật: Ông Võ Văn Ch – Chức vụ: Giám đốc. (Có mặt).

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Phạm Văn Th – Luật sư Chi nhánh Công ty Luật TNHH P tại Đà Nẵng thuộc Đoàn luật sư Quảng Nam - Địa chỉ: 147 đường T, quận H, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

- Người làm chứng:

1. Bà Phan Thị Xuân S - Sinh năm 1992 – Địa chỉ: Xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

2. Bà Phan Thị Lự - Sinh năm 1984 - Địa chỉ: Thôn N, xã H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. (Có mặt).

3. Bà Bùi Thị Ho - Sinh năm 1968 – Địa chỉ: K122/34 đường P, thành phố Đà Nẵng. (Vắng mặt).

- Người kháng cáo: Công ty TNHH Thương mại Đ là Bị đơn và Công ty TNHH Thương mại B là Nguyên Đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm thì nội dung vụ án như sau:

- Tại đơn khởi kiện gửi đến Tòa án, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 28/11/2013, Công ty TNHH Thương mại B ký hợp đồng mượn kho của Công ty TNHH Thương mại Đ tại Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng (Kho H).

Sau khi ký hợp đồng hai bên đã thực hiện đúng nội dung hợp đồng theo đó Công ty TNHH Thương mại Đ đã bàn giao cho Công ty TNHH Thương mại B phần diện tích nhà kho trên.

Trên cơ sở đó, kể từ năm 2013 đến nay, Công ty TNHH Thương mại B đã nhiều lần nhập hàng hóa của Công ty tại Kho H.

Tháng 01/2020, Công ty TNHH Thương mại Đ đã tự ý niêm phong kho hàng của Công ty TNHH Thương mại B tại Quốc lộ 1A H, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng (Kho H) mà không cho Công ty TNHH

Thương mại B thực hiện các thủ tục nhập và xuất hàng hóa gây thiệt hại đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Ngày 08/02/2020, Công ty TNHH Thương mại B đã có văn bản đề nghị Công ty TNHH Thương mại Đ tiến hành mở kho để Công ty TNHH Thương mại B kiểm kê hàng hóa còn lại tại kho nhưng Công ty TNHH Thương mại Đ không hợp tác.

Vì vậy, Công ty TNHH Thương mại B khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH Thương mại Đ phải trả toàn bộ hàng hóa bao gồm:

TT	TÊN HÀNG	CỖ Lốp	GAİ	ĐVT	XUẤT XỨ	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	DUNLOP	11R22.5	SP350	CÁI	NHẬT	6	7,000,000	42,000,000
2	DUNLOP	155/70R13	SP TOURING	CÁI	INDO	6	1,020,000	6,120,000
3	DUNLOP	155R12	LT5	CÁI	INDO	12	1,360,000	16,320,000
4	DUNLOP	165/60R14	SP TOURING R1	CÁI	THÁI	10	1,140,000	11,400,000
5	DUNLOP	165/65R14	SP TOURING R1	CÁI	INDO	43	1,140,000	49,020,000
6	DUNLOP	165R13	LT5	CÁI	INDO	25	1,650,000	41,250,000
7	DUNLOP	175/65R15	SP TOURING R1	CÁI	INDO	5	1,450,000	7,250,000
8	DUNLOP	175/65R15	EC300+		THÁI	17	1,450,000	24,650,000
9	DUNLOP	175/65R15	SP2030	CÁI	THÁI	18	1,450,000	26,100,000
10	DUNLOP	185/60R16	EC300	CÁI	THÁI	5	2,420,000	12,100,000
11	DUNLOP	185/60R16	SP300+	CÁI	INDO	7	2,420,000	16,940,000
12	DUNLOP	185/60R16	SP TOURING R1	CÁI	THÁI	4	2,420,000	9,680,000
13	DUNLOP	195/65R15	SP TOURING R1	CÁI	INDO	10	1,620,000	16,200,000
14	DUNLOP	195/65R15	SP300	CÁI	NHẬT	11	2,300,000	25,300,000
15	DUNLOP	195/70R14	SP TOURING R1	CÁI	INDO	10	1,500,000	15,000,000
16	DUNLOP	195R14	LT5	CÁI	INDO	10	1,980,000	19,800,000
17	DUNLOP	195R15	LT5	CÁI	THÁI	12	2,180,000	26,160,000
18	DUNLOP	205/55R16	EC300	CÁI	THÁI	18	2,360,000	42,480,000
19	DUNLOP	205/55R16	VE302	CÁI	NHẬT	7	3,130,000	21,910,000
20	DUNLOP	205/60R16	LM704	CÁI	THÁI	4	2,080,000	8,320,000
21	DUNLOP	205/60R16	EC300	CÁI	THÁI	6	2,080,000	12,480,000
22	DUNLOP	205/65R15	VE302	CÁI	NHẬT	6	2,400,000	14,400,000
23	DUNLOP	205/65R15	SP TOURING R1	CÁI	INDO	5	1,830,000	9,150,000
24	DUNLOP	205/65R15	VE302	CÁI	NHẬT	4	2,400,000	9,600,000
25	DUNLOP	205/80R16	AT20	CÁI	THÁI	9	3,270,000	29,430,000
26	DUNLOP	205/80R16	VE302	CÁI	NHẬT	6	3,500,000	21,000,000
27	DUNLOP	215/65R16	LT5	CÁI	THÁI	4	2,530,000	10,120,000
28	DUNLOP	215/65R16	PT3	CÁI	THÁI	5	3,230,000	16,150,000

29	DUNLOP	215R15	TG20	CÁI	NHẬT	8	3,150,000	25,200,000
30	DUNLOP	215R15	VE302	CÁI	NHẬT	1	3,150,000	3,150,000
31	DUNLOP	215R15	EC300+	CÁI	THÁI	3	3,000,000	9,000,000
32	DUNLOP	225/55R18	PT3	CÁI	THÁI	8	3,880,000	31,040,000
33	DUNLOP	225/55R18	SP5000	CÁI	NHẬT	9	4,800,000	43,200,000
34	DUNLOP	225/60R18	MAXX050	CÁI	NHẬT	16	4,900,000	78,400,000
35	DUNLOP	225/60R18	ST30	CÁI	NHẬT	4	4,600,000	18,400,000
36	DUNLOP	235/55R18	LM704	CÁI	THÁI	11	3,880,000	42,680,000
37	DUNLOP	235/60R18	PT3	CÁI	THÁI	12	4,260,000	51,120,000
38	DUNLOP	235/65R17	PT3	CÁI	NHẬT	20	4,230,000	84,600,000
39	DUNLOP	235/75R15	AT22	CÁI	THÁI	5	2,920,000	14,600,000
40	DUNLOP	245/70R16	AT20	CÁI	THÁI	10	3,710,000	37,100,000
41	DUNLOP	255/60R18	PT3	CÁI	THÁI	5	4,730,000	23,650,000
42	DUNLOP	255/70R16	AT20	CÁI	THÁI	27	3,520,000	95,040,000
43	DUNLOP	255/70R16	AT22	CÁI	THÁI	92	3,520,000	323,840,000
44	DUNLOP	255/70R16	AT25	CÁI	THÁI	16	3,520,000	56,320,000
45	DUNLOP	265/70R15	AT3	CÁI	THÁI	10	3,630,000	36,300,000
46	DUNLOP	265/70R16	PT3	CÁI	THÁI	10	4,380,000	43,800,000
47	DUNLOP	275/60R18	AT23	CÁI	NHẬT	2	7,030,000	14,060,000
48	DUNLOP	275/65R17	AT22	CÁI	NHẬT	10	5,480,000	54,800,000
49	DUNLOP	275/65R17	PT3	CÁI	THÁI	19	4,360,000	82,840,000
50	DUNLOP	275/65R17	TG28M2	CÁI	NHẬT	7	5,480,000	38,360,000
51	DUNLOP	285/50R20	PT2A	CÁI	NHẬT	10	9,080,000	90,800,000
52	DUNLOP	285/50R20	AT22	CÁI	THÁI	7	9,080,000	63,560,000
53	MICHELIN	750R16	AGILIS	CÁI	THÁI	2	4,200,000	8,400,000
54	MICHELIN	825R16	AGILIS	CÁI	THÁI	2	4,600,000	9,200,000
56	MICHELIN	225/90 R 17.5	XJE4	CÁI	THÁI	7	5,000,000	35,000,000
58	MICHELIN	12R22.5	XMUTIL/X	CÁI	THÁI	5	8,500,000	42,500,000
60	MICHELIN	700R16	AGILIS	CÁI	THÁI	11	2,763,999	30,403,989
62	MICHELIN	750R16	AGILIS	CÁI	THÁI	4	3,110,000	12,440,000
64	MICHELIN	825R16	AGILIS	CÁI	THÁI	6	3,728,000	22,368,000
66	MICHELIN	245/70R19.5	XMUTIL/X	CÁI	THÁI	10	4,762,000	47,620,000
68	MICHELIN	11R22.5	XMUTIL/X	CÁI	THÁI	4	6,797,000	27,188,000
70	HANKOOK	195/50R16	H426	CÁI	HÀN QUỐC	4	1,730,000	6,920,000
72	HANKOOK	205/55R16	K415	CÁI	HÀN QUỐC	4	2,500,000	10,000,000
74	HANKOOK	205/60R16	K415	CÁI	HÀN QUỐC	4	1,920,000	7,680,000
76	HANKOOK	215/70R16C	RA18	CÁI	INDO	3	4,280,000	12,840,000
78	HANKOOK	235/50R19	K415	CÁI	HÀN QUỐC	2	5,000,000	10,000,000
80	HANKOOK	235/55R19	RA33	CÁI	HÀN QUỐC	6	6,180,000	37,080,000

82	HANKOOK	265/70R19.5	TH10	CÁI	HÀN QUỐC	1	6,500,000	6,500,000
84	KUMHO	175/65R14	KH27	CÁI	VIỆT NAM	1	1,071,000	1,071,000
86	KUMHO	185/70R14	KH27	CÁI	VIỆT NAM	1	1,117,000	1,117,000
88	KUMHO	195/70R15	KC53	CÁI	VIỆT NAM	2	2,041,000	4,082,000
90	KUMHO	205/65R15	KH27	CÁI	VIỆT NAM	2	1,428,000	2,856,000
92	KUMHO	235/75R15	KL78	CÁI	VIỆT NAM	2	2,425,000	4,850,000
94	KUMHO	215/55R17	PS31	CÁI	VIỆT NAM	3	2,015,000	6,045,000
96	KUMHO	215/50 R 17	KH27	CÁI	VIỆT NAM	4	2,119,000	8,476,000
98	KUMHO	235/60R17	KL21	CÁI	VIỆT NAM	4	2,368,000	9,472,000
100	KUMHO	235/60R18	KL21	CÁI	VIỆT NAM	5	2,546,000	12,730,000
102	KUMHO	235/70R15	KL61	CÁI	VIỆT NAM	5	2,296,000	11,480,000
104	KUMHO	145R13	KC55	CÁI	VIỆT NAM	6	1,243,000	7,458,000
106	KUMHO	175/50R15	KH27	CÁI	VIỆT NAM	6	1,142,000	6,852,000
108	KUMHO	195/75R16	857	CÁI	VIỆT NAM	6	1,600,000	9,600,000
110	KUMHO	215/75R16	KC53	CÁI	VIỆT NAM	6	1,700,000	10,200,000
112	KUMHO	155/65R13	TX61	CÁI	VIỆT NAM	7	909,000	6,363,000
114	KUMHO	155/70R14	KH27	CÁI	VIỆT NAM	7	856,000	5,992,000
116	KUMHO	225/50R17	PS31	CÁI	VIỆT NAM	7	1,939,000	13,573,000
118	KUMHO	185/60R14	KH27	CÁI	VIỆT NAM	11	1,222,000	13,442,000
120	KUMHO	195/65R15	KH27	CÁI	VIỆT NAM	11	1,400,000	15,400,000
122	KUMHO	235/65R17	KL51	CÁI	VIỆT NAM	11	2,727,000	29,997,000
124	KUMHO	195/50R16	KH27	CÁI	VIỆT NAM	14	1,576,000	22,064,000
126	KUMHO	195/70R14	KH27	CÁI	VIỆT NAM	14	1,273,000	17,822,000
128	KUMHO	215/75R15	AT51	CÁI	VIỆT NAM	14	2,472,000	34,608,000
130	KUMHO	205/65R16	TX61	CÁI	VIỆT NAM	27	2,102,000	56,754,000
132	KUMHO	265/65R17	KL51	CÁI	VIỆT NAM	43	2,904,000	124,872,000
134	KUMHO	205/60R16	KH27	CÁI	VIỆT	45	1,706,000	76,770,000

					NAM			
136	KUMHO	235/65R16	KC53	CÁI	VIỆT NAM	56	2,225,000	124,600,000
138	KUMHO	185/60R15	TX61	CÁI	VIỆT NAM	58	1,337,000	77,546,000
140	KUMHO	175/70R14	KH27	CÁI	VIỆT NAM	72	1,209,000	87,048,000
142	KUMHO	195/70R14	TX61	CÁI	VIỆT NAM	92	1,273,000	117,116,000
144	KUMHO	205/65R15	TX61	CÁI	VIỆT NAM	106	1,653,000	175,218,000
146	KUMHO	175/65R14	TX61	CÁI	VIỆT NAM	108	1,145,000	123,660,000
148	KUMHO	165/65R14	TX61	CÁI	VIỆT NAM	115	993,000	114,195,000
150	KUMHO	185/65R15	KH27	CÁI	VIỆT NAM	149	1,337,000	199,213,000
152	KUMHO	165/60R14	TX61	CÁI	VIỆT NAM	211	928,000	195,808,000
154	DEESTONE	500-8	HƠI	BỘ	THÁI	1	1,500,000	1,500,000
156	DEESTONE	16,9-28		CÁI	THÁI	1	3,500,000	3,500,000
158	SUNHOME	500-8	ĐẶC	CÁI	VIỆT NAM	1	2,000,000	2,000,000
160	BRIDGESTONE	600-9	ĐẶC	CÁI	NHẬT	1	3,700,000	3,700,000
162	PIO	650-10	ĐẶC	CÁI	THÁI	1	3,800,000	3,800,000
164	SUNHOME	700-12	ĐẶC	CÁI	VIỆT NAM	1	4,000,000	4,000,000
166	DEESTONE	700-15	HƠI	BỘ	THÁI	2	3,500,000	7,000,000
168	TUNGAL	825-15	HƠI	BỘ	INDO	2	3,800,000	7,600,000
170	DEESTONE	16.9-24	HƠI	CÁI	THÁI	2	10,000,000	20,000,000
172	DEESTONE	300-15	HƠI	BỘ	THÁI	2	5,500,000	11,000,000
174	SUNHOME	650-10	ĐẶC	CÁI	VIỆT NAM	2	3,800,000	7,600,000
176	CASUMINA	700-12	ĐẶC	CÁI	VIỆT NAM	2	2,500,000	5,000,000
178	DEESTONE	815-15	ĐẶC	CÁI	THÁI	2	5,500,000	11,000,000
180	KOMACHI	16X6-8	ĐẶC	CÁI	THÁI	2	4,000,000	8,000,000
182	MAXXIS	600-9	HƠI	BỘ	VIỆT NAM	3	1,600,000	4,800,000
184	AICHI	700-15	ĐẶC	CÁI	NHẬT	3	8,500,000	25,500,000
186	BKT	550-15	HƠI	BỘ	Ấn độ	4	3,500,000	14,000,000
188	DEESTONE	700-12	HƠI	BỘ	THÁI	5	2,200,000	11,000,000
190	CASUMINA	600-9	ĐẶC	CÁI	VIỆT NAM	5	2,000,000	10,000,000
192	DEESTONE	700-12	ĐẶC	CÁI	THÁI	5	4,500,000	22,500,000
194	DEESTONE	12-16.5	12PR	CÁI	THÁI	6	4,000,000	24,000,000
196	DEESTONE	500-8	ĐẶC	CÁI	THÁI	6	2,200,000	13,200,000
198	DEESTONE	600-9	ĐẶC	CÁI	THÁI	6	3,200,000	19,200,000

200	DEESTONE	650-10	ĐẶC	CÁI	THÁI	8	3,800,000	30,400,000
202	BRIDGESTONE	700-12	ĐẶC	CÁI	NHẬT	8	6,000,000	48,000,000
204	MAXXIS	500-8	HỒI	BỘ	VIỆT NAM	9	1,300,000	11,700,000
206	DEESTONE	650-10	HỒI	BỘ	THÁI	9	1,800,000	16,200,000
208	DEESTONE	825-15	HỒI	BỘ	THÁI	9	3,800,000	34,200,000
210	DEESTONE	815-15	HỒI	BỘ	THÁI	12	3,500,000	42,000,000
212	BRIDGESTONE	18X7-8	ĐẶC	CÁI	NHẬT	13	3,000,000	39,000,000
214	AICHI	650-10	ĐẶC	CÁI	NHẬT	17	3,800,000	64,600,000
216	TUNGAL	650-10	HỒI	BỘ	INDO	19	1,800,000	34,200,000
218	AICHI	700-12	ĐẶC	CÁI	NHẬT	20	4,800,000	96,000,000
220	TUNGAL	700-12	HỒI	BỘ	INDO	26	2,200,000	57,200,000
222	AICHI	600-9	ĐẶC	CÁI	NHẬT	26	3,500,000	91,000,000
224	MAXXIS	215/75R16	UE168	CÁI	THÁI	50	1,419,999	70,999,950
226	MAXXIS	195R14	UE168	CÁI	THÁI	5	1,302,800	6,514,000
228	MAXXIS	500-12	688	CÁI	VIỆT NAM	30	730,000	21,900,000
230	MAXXIS	550-13	688	CÁI	VIỆT NAM	20	1,000,000	20,000,000
232	MAXXIS	650-16	886	CÁI	VIỆT NAM	10	1,350,000	13,500,000
234	MAXXIS	700-16	886	CÁI	VIỆT NAM	10	1,620,000	16,200,000
236	MAXXIS	900-20	688	CÁI	VIỆT NAM	4	4,000,000	16,000,000
238	MAXXIS	600-14	846	CÁI	VIỆT NAM	10	950,000	9,500,000
240	MAXXIS	1200R20	UM 958	CÁI	THÁI	10	7,089,999	70,899,990
242	MAXXIS	825R16	MA265	CÁI	THÁI	10	3,799,999	37,999,990
244	GOLDPARTER	1100-20	18PR	CÁI	TRUNG QUỐC	20	2,409,000	48,180,000
246	YOKOHAMA	700-15	Y45	CÁI	VIỆT NAM	45	1,680,729	75,632,805
248	BRIDGESTONE	165/65R14	EP150	CÁI	THÁI	56	913,770	51,171,120
250	BRIDGESTONE	175/50R15	EP150	CÁI	INDO	23	1,147,289	26,387,647
252	BRIDGESTONE	175/55R15	050A	CÁI	THÁI	17	1,807,234	30,722,978
254	BRIDGESTONE	175/65R14	EP150	CÁI	THÁI	18	1,116,830	20,102,940
256	BRIDGESTONE	175/65R15-ER37-TL-T	ER37	CÁI	THÁI	14	1,604,174	22,458,436
258	BRIDGESTONE	175/70R14-150-TL-T	EP150	CÁI	THÁI	35	1,238,666	43,353,310
260	BRIDGESTONE	185/65R14	EP200	CÁI	THÁI	5	1,332,936	6,664,680
262	BRIDGESTONE	185/55R15	EP300	CÁI	THÁI	14	1,514,700	21,205,800
264	BRIDGESTONE	185/55R16-ER37-TL-T	ER37	CÁI	THÁI	16	1,807,234	28,915,744
266	BRIDGESTONE	185/60R14-EP2H-TL-T	EP200	CÁI	THÁI	7	1,421,420	9,949,940
268	BRIDGESTONE	185/60R15-EP30-TL-T	EP300	CÁI	THÁI	33	1,390,961	45,901,713
270	BRIDGESTONE	185/65R15-EP30-TL-T	EP300	CÁI	THÁI	21	1,421,420	29,849,820

272	BRIDGESTONE	185R14C-R623-IN-T	R623	CÁI	INDO	6	1,817,387	10,904,322
274	BRIDGESTONE	195/50R16-ER33-TL-T	ER33	CÁI	THÁI	25	2,019,600	50,490,000
276	BRIDGESTONE	195/65R14-150-IN-T	EP150	CÁI	INDO	3	1,370,655	4,111,965
278	BRIDGESTONE	195/60R15	EP300	CÁI	THÁI	6	1,665,092	9,990,552
280	BRIDGESTONE	195/65R15	EP300	CÁI	THÁI	42	1,514,700	63,617,400
282	BRIDGESTONE	195/70R14-150-IN-T	EP150	CÁI	INDO	19	1,242,054	23,599,026
284	BRIDGESTONE	195R15C-R623-TL-T	R623	CÁI	THÁI	42	2,019,600	84,823,200
286	BRIDGESTONE	195/75R16	R630	CÁI	NHẬT	4	2,272,050	9,088,200
288	BRIDGESTONE	205/55R16	ER30	CÁI	THÁI	9	2,322,540	20,902,860
290	BRIDGESTONE	205/55R16	T05	CÁI	INDO	14	2,120,580	29,688,120
292	BRIDGESTONE	205/60R16	ER33	CÁI	NHẬT	17	2,413,422	41,028,174
294	BRIDGESTONE	205/60R16-T05-IN-T	T05	CÁI	INDO	11	2,182,895	24,011,845
296	BRIDGESTONE	215/60R16	ER30	CÁI	NHẬT	2	2,776,950	5,553,900
298	BRIDGESTONE	205/65R15-B390-IN-T	B390	CÁI	INDO	810	1,624,480	1,315,828,800
300	BRIDGESTONE	205/65R15	ER30	CÁI	NHẬT	15	2,332,638	34,989,570
302	BRIDGESTONE	205/65R16-EP15-VN-T	EP150	CÁI	VIỆT NAM	22	1,756,469	38,642,318
304	BRIDGESTONE	205/70R15C-R623-TL-T	R623	CÁI	THÁI	4	1,938,300	7,753,200
306	BRIDGESTONE	215/55R17-ER33-TL-T	ER33	CÁI	THÁI	22	2,726,460	59,982,120
308	BRIDGESTONE	215/55R17-T05-IN-T	T05	CÁI	INDO	19	2,589,015	49,191,285
310	BRIDGESTONE	215/70R16	850	CÁI	THÁI	6	3,180,870	19,085,220
312	BRIDGESTONE	215/75R16C-CV40-TL-T	CV4000	CÁI	THÁI	66	1,642,289	108,391,074
314	BRIDGESTONE	215/75R16C-R630-JP-T	R630	CÁI	NHẬT	55	2,665,872	146,622,960
316	BRIDGESTONE	225/45R19-T01A-JP-T	T01A	CÁI	NHẬT	30	4,264,260	127,927,800
318	BRIDGESTONE	225/65R17	D470	CÁI	THÁI	17	3,079,890	52,358,130
320	BRIDGESTONE	225/55R18-850-TL-T	EP850	CÁI	THÁI	20	2,928,420	58,568,400
322	BRIDGESTONE	225/55R19-AL01-JP-T	AL01	CÁI	NHẬT	26	3,553,550	92,392,300
324	BRIDGESTONE	225/60R16-T05-TL-T	T05	CÁI	THÁI	6	2,233,660	13,401,960
326	BRIDGESTONE	235/65R17	850	CÁI	THÁI	3	2,928,420	8,785,260
328	BRIDGESTONE	235/55R19-850-JP-T	EP850	CÁI	NHẬT	6	4,315,025	25,890,150
330	BRIDGESTONE	235/60R18-AL01-JP-T	AL01	CÁI	NHẬT	25	3,147,430	78,685,750
332	BRIDGESTONE	235/70R15-850-TL-T	EP850	CÁI	THÁI	10	2,538,250	25,382,500
334	BRIDGESTONE	235/80R16-D689-JP-T	D689	CÁI	NHẬT	4	4,010,435	16,041,740
336	BRIDGESTONE	245/55R19-D400-JP-T	D400	CÁI	NHẬT	30	4,721,145	141,634,350
338	BRIDGESTONE	245/65R17-D840-TL-T	D840	CÁI	THÁI	17	3,096,665	52,643,305
340	BRIDGESTONE	245/70R16-D840-TL-T	D840	CÁI	THÁI	32	2,842,840	90,970,880
342	BRIDGESTONE	245/70R16	689	CÁI	THÁI	10	2,726,460	27,264,600
344	BRIDGESTONE	255/65R17-D840-TL-T	D840	CÁI	THÁI	9	3,271,752	29,445,768
346	BRIDGESTONE	255/70R16-684A-TL-T	684	CÁI	THÁI	19	2,781,922	52,856,518

348	BRIDGESTONE	255/60R18	684	CÁI	THÁI	16	3,635,280	58,164,480
350	BRIDGESTONE	265/60R18-684A-TL-T	684	CÁI	THÁI	16	3,756,610	60,105,760
352	BRIDGESTONE	265/65R17-684A-TL-T	684	CÁI	THÁI	307	3,299,725	1,013,015,575
354	BRIDGESTONE	265/65R17-693B-TL-T	693B	CÁI	THÁI	27	2,827,440	76,340,880
356	BRIDGESTONE	265/70R15-D689-TL-T	689	CÁI	THÁI	4	3,736,304	14,945,216
358	BRIDGESTONE	265/70R16	840	CÁI	THÁI	3	3,413,124	10,239,372
360	BRIDGESTONE	275/65R17	840	CÁI	NHẬT	7	2,776,950	19,438,650
362	BRIDGESTONE	275/70R16-D689-JP-T	689	CÁI	NHẬT	8	4,325,178	34,601,424
364	BRIDGESTONE	1100R20	R156	BỘ	THÁI	50	7,974,560	398,728,000
366	BRIDGESTONE	750R16	R156	BỘ	THÁI	30	3,197,920	95,937,600
368	BRIDGESTONE	825R16	R156	BỘ	THÁI	50	3,633,080	181,654,000
370	BRIDGESTONE	1200R20	R172	BỘ	THÁI	50	7,468,560	373,428,000
372	BRIDGESTONE	1000R20	R150	BỘ	THÁI	50	7,964,440	398,222,000
374	BRIDGESTONE	1100R20	R156	BỘ	THÁI	50	7,974,560	398,728,000
376	BRIDGESTONE	12R22.5	R150	CÁI	THÁI	50	7,782,280	389,114,000
378	BRIDGESTONE	11R22.5	R150	CÁI	THÁI	50	7,286,400	364,320,000
380	YOKOHAMA	165/60R14	S32	CÁI	PHI	22	1,112,000	24,464,000
382	YOKOHAMA	165/65R13	E01	CÁI	PHI	20	1,094,000	21,880,000
384	YOKOHAMA	175/65R14	S32	CÁI	PHI	38	1,270,000	48,260,000
386	YOKOHAMA	175/70R13	E01	CÁI	PHI	12	1,104,000	13,248,000
388	YOKOHAMA	175/70R13	S32	CÁI	PHI	16	1,104,000	17,664,000
390	YOKOHAMA	185R14	Y755	CÁI	THÁI	4	1,859,000	7,436,000
392	YOKOHAMA	185/55R15	S32	CÁI	PHI	3	1,499,000	4,497,000
394	YOKOHAMA	185/55R16	S32	CÁI	NHẬT	5	1,683,000	8,415,000
396	YOKOHAMA	185/60R15	E70	CÁI	PHI	40	1,450,000	58,000,000
398	YOKOHAMA	185/65R14	S32	CÁI	PHI	9	1,292,000	11,628,000
400	YOKOHAMA	185/65R15	S32	CÁI	NHẬT	11	1,499,000	16,489,000
402	YOKOHAMA	195R15	Y755	CÁI	THÁI	10	2,047,000	20,470,000
404	YOKOHAMA	195/70R15	Y755	CÁI	THÁI	5	2,408,000	12,040,000
406	YOKOHAMA	195/70R15	S32	CÁI	PHI	5	1,622,000	8,110,000
408	YOKOHAMA	195/70R15	S32	CÁI	PHI	6	1,622,000	9,732,000
410	YOKOHAMA	205/60R16	S32	CÁI	NHẬT	14	2,136,000	29,904,000
412	YOKOHAMA	205/65R16	S32	CÁI	NHẬT	9	2,300,000	20,700,000
414	YOKOHAMA	205R16	Y828	CÁI	NHẬT	18	3,330,000	59,940,000
416	YOKOHAMA	205R16	S32	CÁI	NHẬT	4	3,330,000	13,320,000
418	YOKOHAMA	215/55R17	E70B	CÁI	NHẬT	2	3,045,000	6,090,000
420	YOKOHAMA	215/55R17	S32	CÁI	NHẬT	10	3,045,000	30,450,000
422	YOKOHAMA	215/55R17	A348	CÁI	NHẬT	23	3,286,000	75,578,000
424	YOKOHAMA	225/45R17	S32	CÁI	NHẬT	6	3,870,000	23,220,000
426	YOKOHAMA	235/70R16	G055	CÁI	THÁI	5	3,180,000	15,900,000
428	YOKOHAMA	235/80R16	G039	CÁI	NHẬT	31	4,468,000	138,508,000
430	YOKOHAMA	265/65R17	G056	CÁI	THÁI	4	4,445,000	17,780,000

432	YOKOHAMA	265/70R16	G039	CÁI	NHẬT	12	3,937,000	47,244,000
434	YOKOHAMA	285/65R17	G94	CÁI	NHẬT	23	4,847,000	111,481,000
436	YOKOHAMA	285/60 R 18	G94	CÁI	NHẬT	3	4,969,000	14,907,000
438	ATLAS	61000.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	6	1,800,000	10,800,000
440	ATLAS	54321.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	14	1,600,000	22,400,000
442	ATLAS	55559.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	9	1,700,000	15,300,000
444	ATLAS	56077.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	1	2,000,000	2,000,000
446	ATLAS	65650.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	13	1,700,000	22,100,000
448	ATLAS	56828.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	4	2,100,000	8,400,000
450	ATLAS	57113.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	13	2,500,000	32,500,000
452	ATLAS	31-800	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	12	2,500,000	30,000,000
454	ATLAS	31S-800	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	41	2,500,000	102,500,000
456	ATLAS	N 120	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	2	3,500,000	7,000,000
458	ATLAS	N 150	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	2	4,000,000	8,000,000
460	ATLAS	N 200	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	4	4,800,000	19,200,000
462	ATLAS	44B19FL	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	5	1,400,000	7,000,000
464	ATLAS	50B24LS	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	4	1,500,000	6,000,000
466	ATLAS	50D20L	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	12	1,600,000	19,200,000
468	ATLAS	55D23L	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	8	1,800,000	14,400,000
470	ATLAS	55D23R	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	14	1,800,000	25,200,000
472	ATLAS	75D23L	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	17	2,000,000	34,000,000
474	ATLAS	80D26L	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	17	2,100,000	35,700,000
476	ATLAS	80D26R	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	1	2,100,000	2,100,000
478	ATLAS	95D31L	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	11	2,200,000	24,200,000
480	ATLAS	105D31R	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	2	2,400,000	4,800,000
482	DELKOR	56030.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	5	1,900,000	9,500,000
484	DELKOR	58039.00	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	2	2,100,000	4,200,000
486	DELKOR	NS60LS	KHÔ	CÁI	HÀN QUỐC	5	1,500,000	7,500,000

488	DELKOR	75D23L	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	4	1,135,000	4,540,000
490	DELKOR	DF70L	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	5	1,139,600	5,698,000
492	DELKOR	54533.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	5	1,009,800	5,049,000
494	DELKOR	56030.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	10	1,053,800	10,538,000
496	DELKOR	56031.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	5	1,054,900	5,274,500
498	DELKOR	56530.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	10	1,223,200	12,232,000
500	DELKOR	67539.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	10	1,271,600	12,716,000
502	DELKOR	58039.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	5	1,601,600	8,008,000
504	DELKOR	60038.00	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	5	1,606,000	8,030,000
506	DELKOR	46B24	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	15	888,800	13,332,000
508	DELKOR	70D23	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	10	1,002,100	10,021,000
510	DELKOR	80D23	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	15	1,150,600	17,259,000
512	DELKOR	90D26	KHÔ	CÁI	THÁI LAN	10	1,244,000	12,440,000
514	THUNDER	295/80R22.5		CÁI	THÁI	2	4,580,000	9,160,000
516	THUNDER	11R22.5	RA401	CÁI	THÁI	2	3,839,000	7,678,000
518	THUNDER	1100R20	RA401	CÁI	THÁI	2	4,312,000	8,624,000
520	THUNDER	1000R20	RA401	CÁI	THÁI	2	4,114,000	8,228,000
522	THUNDER	12R22.5	RA401	CÁI	THÁI	10	4,136,000	41,360,000
524	THUNDER	1100R20	RA401	CÁI	THÁI	25	4,312,000	107,800,000
526	DRC	700-15	33B	CÁI	VN	1	1,528,799	1,528,799
528	DRC	700-16	53D	CÁI	VN	10	1,804,000	18,040,000
530	DRC	825-20	53D	CÁI	VN	15	3,212,000	48,180,000
532	DRC	900-20	53D	CÁI	VN	20	3,796,420	75,928,400
534	DRC	900-20	56D	CÁI	VN	15	4,208,099	63,121,485
536	DRC	900R20	D842	CÁI	VN	10	3,863,160	38,631,600
538	DRC	550-13	53D	CÁI	VN	20	937,600	18,752,000
540	DRC	550-13	53D	CÁI	VN	30	1,055,200	31,656,000
542	DRC	550-13	33B	CÁI	VN	10	937,600	9,376,000
544	DRC	600-15	54B	CÁI	VN	4	1,355,200	5,420,800
546	DRC	600-14	33B	CÁI	VN	15	1,168,799	17,531,985
548	DRC	750-16	53D	CÁI	VN	20	2,479,999	49,599,980
550	DRC	1000-20	56D	CÁI	VN	10	4,849,689	48,496,890
552	DRC	1100-20	53D	CÁI	VN	20	5,346,860	106,937,200
554	DRC	1100R20	D911	CÁI	VN	10	5,267,640	52,676,400
556	DRC	1100R20	D651	CÁI	VN	15	4,866,959	73,004,385

558	DRC	1000R20	D651	CÁI	VN	10	4,079,880	40,798,800
560	DRC	12R22.5	D611	CÁI	VN	4	5,038,320	20,153,280
562	DRC	650-16	33B	CÁI	VN	22	1,392,800	30,641,600
564	DRC	750-20	53D	CÁI	VN	7	2,709,600	18,967,200
566	DRC	825-16	33B	CÁI	VN	17	2,659,200	45,206,400
568	DRC	825-16	53D	CÁI	VN	1	2,756,000	2,756,000
570	DRC	550-13/14PR	53D	CÁI	VN	10	1,055,200	10,552,000
572	DRC	1200R20	D911	CÁI	VN	20	5,487,520	109,750,400
574	PHỤ TÙNG	CAMBER 250		CON	MỸ	7	500,000	3,500,000
576	PHỤ TÙNG	CAMBER 260		CON	MỸ	8	500,000	4,000,000
578	PHỤ TÙNG	CAMBER 270		CON	MỸ	17	500,000	8,500,000
580	PHỤ TÙNG	CAMBER 280		CON	MỸ	19	500,000	9,500,000
582	PHỤ TÙNG	CAMBER 290		CON	MỸ	12	500,000	6,000,000
584	PHỤ TÙNG	CAMBER 28810		CON	MỸ	3	500,000	1,500,000
586	PHỤ TÙNG	CAMBER 81310		CON	MỸ	4	500,000	2,000,000
588	PHỤ TÙNG	CĂN ĐỆM 200		CÁI		15	1,000,000	15,000,000
590	PHỤ TÙNG	CĂN ĐỆM 400		CÁI		5	1,000,000	5,000,000
592	PHỤ TÙNG	CĂN ĐỆM 600		CÁI		17	1,000,000	17,000,000
594	PHỤ TÙNG	CÀNG 67285		BỘ	MỸ	3	10,000,000	30,000,000
596	PHỤ TÙNG	CÀNG 67410		BỘ	MỸ	2	6,000,000	12,000,000
598	PHỤ TÙNG	CÀNG 67420		BỘ	MỸ	4	7,000,000	28,000,000
600	PHỤ TÙNG	CÀNG 52390		BỘ	MỸ	3	3,000,000	9,000,000
602	PHỤ TÙNG	MÓNG ĐỆM 1.5		CÁI		35	100,000	3,500,000
604	PHỤ TÙNG	MÓNG ĐỆM 2.5		CÁI		38	100,000	3,800,000
606	PHỤ TÙNG	CÀNG 6021D		BỘ	TRUNG QUỐ	4	1,800,000	7,200,000
608	PHỤ TÙNG	CÀNG 6160		BỘ	TRUNG QUỐ	5	3,000,000	15,000,000
610	PHỤ TÙNG	CÀNG 6296		BỘ	TRUNG QUỐ	3	3,500,000	10,500,000
612	PHỤ TÙNG	CÀNG 6097		BỘ	TRUNG QUỐ	1	3,000,000	3,000,000
614	PHỤ TÙNG	CÀNG 6292		BỘ	TRUNG QUỐ	3	3,500,000	10,500,000
616	PHỤ TÙNG	CÀNG 62921		BỘ	TRUNG QUỐ	1	2,500,000	2,500,000
618	PHỤ TÙNG	CÀNG 6294		BỘ	TRUNG QUỐ	4	3,500,000	14,000,000
620	PHỤ TÙNG	CÀNG 62941		BỘ	TRUNG QUỐ	1	2,500,000	2,500,000
622	PHỤ TÙNG	CÀNG 96043		BỘ	TRUNG QUỐ	1	4,000,000	4,000,000
624	PHỤ TÙNG	CÀNG 6400		BỘ	TRUNG QUỐ	1	3,500,000	3,500,000
626	PHỤ TÙNG	CÀNG 6040		BỘ	TRUNG QUỐ	2	3,500,000	7,000,000
628	PHỤ TÙNG	CÀNG 6360		BỘ	TRUNG	1	4,500,000	4,500,000

					QUỐC			
630	PHỤ TÙNG	CÀNG 6070		BỘ	TRUNG QUỐC	4	4,000,000	16,000,000
632	PHỤ TÙNG	CHỈ DẪN		KG	VN	30	80,000	2,400,000
634	PHỤ GIA	SÁP BÔI LỚP		THÙNG		1	1,000,000	1,000,000
636	MÁY MÓC	CPU MÁY CÂN CHỈNH THUỐC LÁI		CÁI		1	200,000,000	200,000,000
638	MÁY MÓC	MÁY IN MÁY CÂN CHỈNH THUỐC LÁI		CÁI		1	10,000,000	10,000,000
640	MÁY MÓC	MÁY CÂN MÂM		CÁI		1	100,000,000	100,000,000
642	MÁY MÓC	MÁY NẴN MÂM		CÁI		1	80,000,000	80,000,000
644	MÁY MÓC	MÁY LĂNG ĐĨA		CÁI		1	80,000,000	80,000,000
646	MÁY MÓC	MÁY BƠM HƠI		CÁI		1	100,000,000	100,000,000
648	MÁY MÓC	MÁY ÉP SU		CÁI		1	80,000,000	80,000,000
650	ĐỒ DÙNG	BÀN GHẾ GỖ KIỂU		BỘ		10	100,000,000	1,000,000,000
652	PHƯƠNG TIỆN	XE HYUDAI 1.25T 43S0829		CHIẾC		1	200,000,000	200,000,000
			CỘNG:					17,183,569,435

với tổng giá trị tạm tính là: 17.183.569.435đ (Mười bảy tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng) hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty TNHH Thương mại Đ địa chỉ quốc lộ 1A H, V, thành phố Đà Nẵng mà Công ty TNHH Thương mại B đã kí hợp đồng mượn nhà kho ngày 28/11/2013.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Thương mại B rút một phần yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty TNHH Thương mại Đ trả lại hàng hóa đang được kê biên tại kho H địa chỉ Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng. Giá trị hàng hóa 1246 lớp xe được xác định theo giá trị hàng hóa mà Công ty TNHH Thương mại B mua là: 2.809.754.381đ. Đối với hàng hóa theo đơn khởi kiện mà quá trình kê biên hiện không còn Công ty TNHH Thương mại B rút lại yêu cầu để xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác. Đối với yêu cầu tính lãi Công ty TNHH Thương mại B không yêu cầu. Đối với việc tranh chấp hợp đồng mượn nhà kho, Công ty TNHH Thương mại B yêu cầu chấm dứt hợp đồng mượn nhà kho và không yêu cầu bồi thường thiệt hại.

- Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện pháp luật của bị đơn trình bày:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/02/2020, Công ty TNHH Thương mại B đang lưu tại nhà kho của chúng tôi có địa chỉ tại Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng, thành phố Đà Nẵng (Kho H) với tổng giá trị hàng hóa là 17.183.569.435 đồng (Mười bảy tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng) căn cứ vào Hợp đồng mượn nhà kho ký ngày 28/11/2013 giữa hai bên. Tuy nhiên, chúng tôi khẳng định các căn cứ yêu cầu của Công ty TNHH Thương mại B đưa ra hoàn toàn không có cơ sở và không đúng sự thật khách quan, cụ thể:

- Thứ nhất, Công ty TNHH Thương mại B không có căn cứ chứng minh số lượng hàng hóa tại nhà kho H là của Công ty TNHH Thương mại B. Trong hợp đồng mượn kho, chúng tôi không có quyền và trách nhiệm phải kiểm soát lượng hàng hóa ra, vào của Công ty TNHH Thương mại B. Vì vậy, không thể xác định được việc Công ty TNHH Thương mại B cung cấp Phiếu xuất kho của Công ty TNHH Thương mại B có đúng không. Việc Công ty TNHH Thương mại B cung cấp các hóa đơn chứng từ chỉ chứng minh được nguồn gốc hàng hóa chứ không thể chứng minh hàng hóa này đã được bán hay còn lưu tại kho nên các hóa đơn chứng từ mua hàng hóa do Công ty TNHH Thương mại B cung cấp cũng không có căn cứ. Trong hợp đồng mượn kho, Công ty TNHH Thương mại B chỉ mượn hai gian và đã xuất hai gian này đi, còn hai gian còn lại là của Công ty chúng tôi. Ngoài ra, hàng hóa tại Kho H còn có Nhà Trưng bày và giới thiệu sản phẩm, Xưởng lắp ráp và Sản Xuất,..vv do đó, toàn bộ hàng hóa tại Kho không phải chỉ có tài sản của Công ty TNHH Thương mại B .

- Thứ hai, toàn bộ hàng hóa tại Kho H theo kết quả kê biên của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê là hàng hóa của chúng tôi. Theo sổ liệu sổ sách năm 2019 của Công ty chúng tôi, số lượng hàng hóa tồn kho của Công ty còn rất nhiều, nhiều hơn nhiều lần so với số lượng hàng hóa đã được kê biên. Điều đó, chứng minh được hàng hóa bị kê biên là hàng hóa của chúng tôi và bà Phạm Thị H đã tự ý lấy đi không ít hàng hóa của chúng tôi.

- Thứ ba, bản thân bà Phạm Thị H là một trong các thành viên góp vốn của Công ty chúng tôi và là người phụ trách tài chính của Công ty, do đó, bà nắm giữ toàn bộ sổ sách, giấy tờ của Công ty chúng tôi. Bà H là người trực tiếp thu tiền bán hàng hàng này, tuy nhiên, hàng hóa Công ty được bán đi nhưng tiền bán hàng không được nhập vào tài khoản Công ty. Từ đó, bà H không minh bạch

trong công tác tài chính nên ngày 25/11/2019 Công ty đã đóng toàn bộ các cửa hàng để kiểm tra việc thu chi trong năm 2019. Ngay khi cơ quan chức năng tiến hành kê biên hàng hóa ngày 06/3/2020 đã thấy rõ các khu vực chứa hàng của Công ty đều được niêm phong. Điều này khẳng định Công ty chúng tôi minh bạch trong việc kiểm kê hàng và hoàn toàn không có việc chúng tôi tẩu tán tài sản như ý kiến không có căn cứ của Công ty TNHH Thương mại B .

Thực tế, Công ty TNHH Thương mại B là thành viên của Công ty TNHH Thương mại Đ và ngược lại, vì vậy, theo nguyên tắc, hàng hóa hai công ty sẽ nhập chung với danh nghĩa Công ty TNHH Thương mại B sau khi về kho hàng hóa sẽ được chuyển từ Công ty TNHH Thương mại B sang cho Công ty TNHH Thương mại Đ. Việc ký hợp đồng mượn kho thực chất là việc Công ty TNHH Thương mại B tạm thời gửi hàng hóa tại kho của Công ty TNHH Thương mại Đ. Vì vậy, chúng tôi không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, hàng hóa trong kho H là hàng hóa của công ty chúng tôi. Công ty TNHH Thương mại B yêu cầu chấm dứt hợp đồng mượn nhà kho thì Công ty TNHH Thương mại Đ cũng đồng ý chấm dứt.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn trình bày:

Tôi thống nhất với phần trình bày của người đại diện theo pháp luật của bị đơn. Chúng tôi không đồng ý yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn bởi lẽ:

Tại đơn khởi kiện, Công ty TNHH Thương mại B đã yêu cầu Công ty chúng tôi số lượng hàng hóa có tổng giá trị hàng hóa là 17.183.569.435 đồng (Mười bảy tỷ một trăm tám mươi ba triệu năm trăm sáu mươi chín ngàn bốn trăm ba mươi lăm đồng) căn cứ vào Hợp đồng mượn nhà kho ký ngày 28/11/2013 giữa hai bên. Tuy nhiên, sau khi cơ quan thi hành án tiến hành kê biên tài sản có trong kho thì số tài sản kê biên còn lại nhỏ hơn số lượng hàng hóa nguyên đơn yêu cầu, phía nguyên đơn đã tiến hành rút một phần yêu cầu khởi kiện để phù hợp với yêu cầu kết quả kê biên. Từ đây, chúng ta có thể thấy con số mà phía nguyên đơn đưa ra không thống nhất chứng tỏ số lượng hàng hóa mà phía nguyên đơn yêu cầu là không đúng. Mặc khác, hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại B có thể được chuyển đến các kho khác của Công ty TNHH Thương mại B không phải là kho của Công ty TNHH TM Đ.

** Người làm chứng bà Phan Thị Lự trình bày:*

Tôi xin vào làm tại Công ty TNHH Thương mại Đ từ năm 2009. Khi tôi vào làm thì được giám đốc giao nhiệm vụ là phải nghe theo lệnh điều hàng và khi tôi bán hàng xong cuối ngày phải kết sổ tiền bán được giao cho bà Phạm Thị H là giám đốc Công ty TNHH Thương mại B. Khi nghe giám đốc lệnh vậy thì khi nào bà H nói xuất hàng đi ra Công ty TNHH Thương mại B và những chi nhánh thuộc Công ty TNHH Thương mại B thì tôi xuất. Khi xuất hàng đi có ký nhận đằng hoàng.

Tiền hàng hằng ngày của Công ty TNHH Thương mại Đ, bà H đều thu hết cũng có ký nhận đằng hoàng. Còn khi nhập hàng vào thì hóa đơn chứng từ đầy đủ. Tôi là nhân viên nên giám đốc bảo xuất hàng hay giao tiền cho ai thì tôi làm theo lệnh, không ý kiến, không thắc mắc nên những điều tôi biết. Tất cả việc nhập hàng đều có hóa đơn. Khi xuất hàng cho Công ty TNHH Thương mại B hay chi nhánh thì có ký nhận đầy đủ. Sổ xuất kho ký nhận là tôi đang giữ.

Hàng hóa trong kho chênh lệch giữa nhập và xuất thì tôi không biết. Khi hàng hóa nhập về là của Công ty TNHH Thương mại Đ còn hàng Công ty TNHH Thương mại B tôi không biết.

Tôi là người chịu trách nhiệm xuất hàng và nhập hàng của Công ty TNHH Thương mại Đ còn Công ty TNHH Thương mại B tôi không biết. Khi nhập hàng toàn bộ hóa đơn của Công ty TNHH Thương mại Đ. Công ty TNHH Thương mại B thuê kho của Công ty TNHH Thương mại Đ hay không thì tôi không biết.

Với nội dung vụ án như trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 166, Điều 428 và Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266 và Điều 267 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại B đối với Công ty TNHH Thương mại Đ về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và tranh chấp hợp đồng mượn nhà kho".

1.1 Xác định toàn bộ tài sản là hàng hóa có danh mục kèm theo là của Công ty TNHH Thương mại B .

1.2 Buộc Công ty TNHH TM Đ phải trả lại toàn bộ hàng với tổng số lượng 1246 đơn vị hàng hóa (có danh mục kèm theo) hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty TNHH TM Đ địa chỉ Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện Công ty TNHH Thương mại B về việc tranh chấp Hợp đồng mượn nhà kho ngày 28/11/2013 giữa Công ty TNHH Thương mại B đối với Công ty TNHH Thương mại Đ.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Tuyên bố Hợp đồng mượn nhà kho ngày 28/11/2013 giữa Công ty TNHH Thương mại B đối với Công ty TNHH TM Đ chấm dứt kể từ ngày tuyên án (ngày 29.9.2020).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Đ phải chịu án phí là 88.195.087đ (Tám mươi tám triệu một trăm chín mươi lăm ngàn không trăm tám mươi bảy đồng).

3.2 Án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ Công ty TNHH Thương mại B phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001792 ngày 20/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

3.3 Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại B số tiền tạm ứng án phí 62.736.500đ đã nộp theo biên lai thu số 0001793 ngày 20/02/2020.

4. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Đối với số tiền buộc thực hiện biện pháp đảm bảo yêu cầu Công ty TNHH Thương mại B đã gửi tài sản bảo đảm có giá trị là số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng theo Quyết định số 32/QĐ – BPĐB ngày 04/3/2020 thì Công ty TNHH Thương mại B sẽ được nhận lại khi Bản án này có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của đương sự và quyền yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

* Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định Công ty TNHH Thương mại Đ có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa toàn bộ bản án sơ

thẩm theo hướng xác định toàn bộ tài sản là hàng hóa (có danh mục kèm theo) là của Công ty TNHH Thương mại Đ.

- Công ty TNHH Thương mại B kháng cáo đề nghị được nộp số tiền tương đương vào tài khoản phong tỏa để được nhận hàng hóa.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH Thương mại Đ rút một phần đơn kháng cáo về phần “Tranh chấp Hợp đồng mượn nhà kho” giữ nguyên kháng cáo đề nghị HĐXX sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại B về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

Cũng tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Công ty TNHH Thương mại B xin rút toàn bộ đơn kháng cáo đề nghị được nộp số tiền tương đương vào tài khoản phong tỏa để được nhận hàng hóa.

* Tại phiên tòa phúc thẩm Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty TNHH Thương mại Đ phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ và sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại B về việc tranh chấp quyền sở hữu tài sản.

* Tại phiên tòa phúc thẩm Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến và đề nghị HĐXX không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ và giữ nguyên nội dung bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, Công ty TNHH Thương mại Đ rút một phần đơn kháng cáo về việc “Tranh chấp Hợp đồng mượn nhà kho”, Công ty TNHH Thương mại B rút toàn bộ đơn kháng cáo. HĐXX xét thấy việc rút kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ và Công ty TNHH Thương mại B là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên áp dụng khoản 3 Điều 284 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ và Công ty TNHH Thương mại B.

Xét nội dung kháng cáo của Công ty Đ, HĐXX nhận định:

[1.1] Ngày 28/11/2013, Công ty TNHH Thương mại B (gọi tắt là Công ty B) và Công ty TNHH Thương mại Đ (gọi tắt là Công ty Đ) có ký Hợp đồng mượn nhà kho. Theo Hợp đồng thì Công ty Đ đồng ý cho Công ty B mượn 02 gian nhà kho tại địa chỉ quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng, thời hạn mượn là 20 (hai mươi) năm tính từ ngày 28/11/2013.

[2] Tại đơn khởi kiện cũng như trong quá trình giải quyết vụ án Đại diện Công ty B cho rằng đến tháng 01/2020 Công ty Đ đã tự ý niêm phong kho hàng của Công ty B mà không cho Công ty B thực hiện các thủ tục nhập và xuất hàng hóa. Công ty B yêu cầu Công ty Đ phải trả toàn bộ hàng hóa trong kho mà Công ty B đã mượn của Công ty Đ có giá trị 17.183.569.435đ, và sau đó thay đổi yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả toàn bộ hàng hóa trong kho mà Công ty B đã mượn là 1246 đơn vị hàng hóa có giá trị là 2.809.754.381đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Đại diện Công ty B trình bày là Công ty B yêu cầu Công ty Đ phải trả 1246 đơn vị hàng hóa có giá trị 2.809.754.381đ hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty Đ chứ không chỉ trong 02 gian nhà kho mà Công ty B đã mượn.

[2.1] Xét yêu cầu của Công ty B thì thấy: Tại đơn khởi kiện ngày 18/02/2020 đã thể hiện “Công ty Đ đồng ý cho Công ty B mượn 02 gian nhà kho tại địa chỉ quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng thuộc sở hữu của Công ty Đ. Từ năm 2013 Công ty B đã nhiều lần nhập hàng vào nhà kho đã mượn, tháng 01/2020 Công ty Đ đã tự ý niêm phong kho hàng của Công ty B tại quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng (Kho H) mà không cho Công ty B thực hiện các thủ tục nhập và xuất hàng hóa”. Công ty B yêu cầu “Công ty Đ phải trả toàn bộ hàng hóa hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty Đ tại địa chỉ quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng mà Công ty Đ tự niêm phong”. Như vậy, Công ty B xác định mượn 02 gian nhà kho của Công ty Đ, Công ty Đ đã tự ý niêm phong nhà kho của Công ty B đã mượn và yêu cầu trả tài sản đối với nhà kho bị niêm phong. Do vậy, HĐXX xác định Công ty B đòi tài sản trong nhà kho đã mượn của Công ty Đ.

[2.2] Mặt khác, tại Bản án sơ thẩm cũng xác định “Vào ngày 28/11/2013, Công ty B ký hợp đồng mượn kho của Công ty Đ tại Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng, (Kho H)”. Công ty B đã nhiều lần nhập hàng vào nhà kho đã mượn, tháng 01/2020 Công ty Đ đã tự ý niêm phong kho hàng của Công ty B tại

quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng, (Kho H) mà không cho Công ty B thực hiện các thủ tục nhập và xuất hàng hóa”. Công ty B yêu cầu Tòa án buộc Công ty Đ phải trả hàng hóa hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty Đ tại Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng mà Công ty B đã ký Hợp đồng mượn nhà kho ngày 28/11/2013. Sau khi nhận được bản án sơ thẩm, Công ty B cũng không có ý kiến đối với lời trình bày của mình tại phiên tòa sơ thẩm.

Từ những phân tích trên, HĐXX xác định Công ty B đòi tài sản trong 02 nhà kho đã mượn theo Hợp đồng ngày 28/11/2013 chứ không như lời trình bày của Đại diện Công ty B tại phiên tòa phúc thẩm.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ để xác định số lượng hàng hóa trong nhà kho mà Công ty B đã mượn Công ty Đ mà căn cứ đơn đề nghị của Công ty B để ra Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT kê biên toàn bộ hàng hóa có giá trị 17.183.569.435đ là chưa chính xác. Bởi vậy, trong quá trình thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê thì Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê chỉ kê biên số lượng hàng hóa thực tế là 1246 đơn vị hàng hóa có giá trị là 2.809.754.381đ.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự cùng thống nhất số lượng hàng hóa thực tế đã kê biên được lấy từ 03 địa điểm là nhà kho, nhà xưởng lắp ráp và nhà trưng bày của Công ty Đ chứ không chỉ có trong 02 gian nhà kho mà Công ty B mượn của Công ty Đ, ý kiến của các bên đương sự phù hợp với Biên bản xác minh ngày 28/11/2013 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

[5] Tại Biên bản xem xét thực tế ngày 23/3/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng thì số lượng hàng hóa trong nhà xưởng lắp ráp của Công ty Đ (kể bên 02 gian nhà kho Công ty B đã mượn) là 478 đơn vị hàng hóa có giá trị 711.172.595đ.

Ngoài ra, các đương sự cùng xác nhận có lấy số lượng lớp tại nhà trưng bày để thực hiện kê biên nhưng Công ty B không chứng minh được số lượng cụ thể, còn Công ty Đ đưa ra được chứng cứ là danh sách hàng hóa lấy từ Nhà trưng bày của Công ty Đ để kê biên là 540 chiếc lớp các loại và chứng minh nguồn chứng cứ là do Giám đốc Công ty Đ chỉ đạo cho nhân viên ghi chép cụ thể khi

thực hiện kê biên, Lời trình bày của Đại diện Công ty Đ phù hợp với lời khai của bà Phan Thị Lự tại phiên tòa thể hiện bà được ông Ch chỉ đạo ghi cụ thể tên lớp, thông số và mã gai của lớp khi được lấy từ nhà trưng bày để tiến hành kê biên, do vậy HĐXX thấy lời trình bày của Đại diện Công ty Đ là có cơ sở.

Tổng số hàng hóa ngoài 02 gian nhà kho mà Công ty B mượn của Công ty Đ là 1.018 đơn vị hàng hóa.

[6] Ngoài 1.018 đơn vị hàng hóa nêu trên thì số hàng còn lại là 228 đơn vị hàng hóa nằm trong nhà kho của Công ty Đ (gồm 04 gian trong đó có 02 gian Công ty Đ cho Công ty B mượn), Công ty Đ cho rằng số lớp này Công ty B nhập về rồi bán lại cho Công ty Đ, tuy nhiên theo các hóa đơn bán hàng mà Công ty Đ cung cấp thì số lớp theo hóa đơn cũng chính là số lớp nằm trong nhà xưởng lắp ráp và nhà trưng bày của Công ty Đ (Nằm trong số lượng 1.018 đơn vị hàng hóa), hóa đơn không thể hiện tên lớp và mã gai nên không có cơ sở để xác định số lớp theo hóa đơn Công ty Đ cung cấp chính là lớp Công ty B đã nhập và bán cho Công ty Đ. Hơn nữa Công ty Đ cũng không chứng minh được số hàng còn lại nằm ngoài 02 gian nhà kho mà Công ty B đã mượn của Công ty Đ cho nên HĐXX xác định số hàng hóa còn lại là của Công ty B.

[7] Từ những nhận định trên, HĐXX xét thấy cần chấp nhận một phần đơn kháng cáo của Công ty Đ và sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty B và buộc Công ty Đ phải trả cho Công ty B số lớp là 228 chiếc (Có danh sách kèm theo) là có cơ sở, do vậy HĐXX không chấp nhận lời đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[8] Về yêu cầu chấm dứt hợp đồng mượn kho ngày 28/11/2013:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Công ty B và Công ty Đ cùng thống nhất thỏa thuận chấm dứt hợp đồng mượn kho ngày 28/11/2013. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện thỏa thuận nên Tòa án cấp sơ thẩm đã công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là có cơ sở, đúng pháp luật.

[9] Đối với Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng HĐXX thấy đã không chấp nhận phần lớn yêu cầu khởi kiện của Công ty B, do vậy việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời là không cần

thiết nên cần hủy bỏ và Công ty TNHH B được nhận lại số tiền thực hiện biện pháp bảo đảm là 500.000.000đ.

[10] Về án phí:

[10.1] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” của Công ty B nên Công ty Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000đ.

- Do không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” của Công ty B nên Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000đ.

- Do các bên đương sự thỏa thuận “Chấm dứt Hợp đồng mượn nhà kho” nên Công ty B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án không có giá ngạch là 300.000đ.

[10.2] Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Do chấp nhận một phần kháng cáo nên Công ty Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

- Do Công ty B rút đơn kháng cáo tại phiên tòa nên Công ty B phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Căn cứ các khoản 1 Điều 166, Điều 428 và Điều 494 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm một phần vụ án đối với kháng cáo của Công ty TNHH Thương mại Đ về phần “Tranh chấp Hợp đồng mượn nhà kho” và kháng cáo đề nghị được nộp số tiền tương đương vào tài khoản phong tỏa để được nhận hàng hóa của Công ty TNHH Thương mại B .

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Thương mại B đối với Công ty TNHH Thương mại Đ về việc "Tranh chấp quyền sở hữu tài sản và tranh chấp hợp đồng mượn nhà kho".

2.1 Công nhận sự thỏa thuận của Công ty TNHH Thương mại B và Công ty TNHH Thương mại Đ về việc chấm dứt Hợp đồng mượn nhà kho ngày 28/11/2013 giữa Công ty TNHH Thương mại B và Công ty TNHH Thương mại Đ kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. (Ngày 29/9/2020).

2.2 Xác định số tài sản là 228 đơn vị hàng hóa có giá trị 822.761.100đ (Có danh mục kèm theo) là của Công ty TNHH Thương mại B .

Buộc Công ty TNHH Thương mại Đ phải trả cho Công ty TNHH Thương mại B 228 đơn vị hàng hóa trị giá 822.761.100đ (Có danh mục kèm theo). Số hàng nêu trên hiện đang lưu giữ tại kho của Công ty TNHH Thương mại Đ địa chỉ Quốc lộ 1A H, huyện V, thành phố Đà Nẵng.

3. Về án phí dân sự:

3.1 Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp Hợp đồng mượn nhà kho” Công ty TNHH Thương mại B phải chịu là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Thương mại B đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001792 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” Công ty TNHH Thương mại Đ phải chịu là 300.000đ.

- Án phí dân sự sơ thẩm về việc “Tranh chấp quyền sở hữu tài sản” Công ty TNHH Thương mại B phải chịu là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Thương mại B đã nộp là 62.736.500đ theo biên lai thu số 0001793 ngày 20/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại B số tiền 62.436.500đ.

3.2 Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Công ty Đ không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho Công ty TNHH Thương mại Đ số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Thương mại Đ đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002315 ngày 20/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Án phí dân sự phúc thẩm Công ty TNHH Thương mại B phải chịu là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Công ty TNHH Thương mại B đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0002303 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Công ty TNHH Thương mại B đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

4. Hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 01/2020/QĐ-BPKCTT ngày 05/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng theo Quyết định Hủy bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời số 03/2021/QĐ-BPKCTT ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Công ty TNHH Thương mại B được nhận lại số tiền buộc thực hiện biện pháp bảo đảm là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) trong tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương tín – Phòng giao dịch Nguyễn Văn Linh, thành phố Đà Nẵng theo Quyết định số 32/QĐ – BPĐB ngày 04/3/2020 của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án (1b), Tổ nghiệp vụ
- Văn phòng (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Việt Dũng

